

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Mai Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Đào.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2021/HS-ST ngày 21.10.2021 đối với bị cáo:

Trần Ngọc Thương (Bi), sinh năm 1995. Tại T, Q. Nơi ĐKNKTT Tổ 15, thôn Ly I, xã B, huyện T, tỉnh Q và chỗ ở hiện nay: Tổ A, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hoá: 11/12. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Ngọc T, sinh năm 1969 và bà Trần Thị G, sinh năm 1963 ; Vợ: Mai Thị Yên N, sinh năm 1996; Con: Trần Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 06/8/2013, Trần Ngọc T bị Tòa án nhân dân huyện Thăng B, Q phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 13/03/2018, Trần Ngọc T bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

- Người bị hại:

1/ Nguyễn Đức, sinh năm 1976.

2/ Trần Thị Th, sinh năm 1979.

Trú tại: Tổ 8, Ly I, xã B, huyện T, tỉnh Q.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1969

Trú tại: Tổ A, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Q.

2/ Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1967.

Trú tại: 601- 603 Q, P. N, TP. Q.

Tại phiên Tòa có mặt bị cáo, người bị hại Nguyễn Đức A và người liên quan ông Trần Ngọc T. Còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Ngọc Th bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Q truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Trần Ngọc T nảy sinh ý định vào công ty Minh Huy tại Tổ 8, Ly I, xã B, huyện T (do ông Nguyễn Đức A (SN: 1976) và bà Trần Thị T (SN: 1979) cùng trú: thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Q - làm chủ) để trộm cắp tài sản. Vào chiều ngày 25/4/2021, Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô hiệu Viva biển kiểm soát 75B1 - 0464 (*xe này của ông Trần Ngọc T – cha của Th mua thanh lý, chưa sang tên đổi chủ*) chở 01 bình ga lớn, 01 bình khí oxy, 01 đầu cắt giáo đá đến khu đất trống phía sau công ty Minh Huy cất giấu xong T quay về nhà sinh hoạt bình thường. Đến khoảng 01 giờ ngày 26/4/2021, T cầm theo 01 kiếm cộng lực, đi bộ đến nơi cất giấu số công cụ lúc chiều, sau đó đi men theo đường bờ rào đến trước cổng công ty Minh Huy, T dùng kiếm cộng lực cắt một lỗ tròn trên lưới B40 chui vào và đưa tất cả dụng cụ vào bên trong hiên công ty Minh Huy. Sau khi vào bên trong công ty, T nhìn thấy 01 (một) xe tải đang đậu trước xưởng nên mở xe vào tìm tài sản để trộm cắp nhưng không có gì. Tiếp đó, Trần Ngọc T dùng hàn giáo đá cắt đứt ổ khóa cửa kéo và vào bên trong văn phòng công ty Minh Huy thì nhìn thấy có một két sắt để ở góc phải trong phòng, T tiến đến dùng hàn giáo đá cắt cửa két sắt, lấy được số tiền 58.000.000 đồng; “03 (ba) miếng vàng 9999, mỗi miếng có khối lượng 01 (một) chỉ; 03 (ba) nhẫn vàng 9999, mỗi nhẫn có khối lượng 01 (một) chỉ; 05 (năm) nhẫn vàng tây 18K, mỗi nhẫn có khối lượng 0,5 (không phẩy năm) chỉ; 02 (hai) đôi bông tai vàng tây 18K, mỗi đôi có khối lượng 0,5 (không phẩy năm) chỉ; 01 (một) đôi bông tai vàng tây 18K, có khối lượng 01 (một) chỉ; 01 (một) lách đeo tay dạng mắc xích bằng vàng tây 18K có khối lượng 02 (hai) chỉ; 01 (một) lách đeo tay dạng xâu chuỗi bằng vàng tây 18K có khối lượng 04 (bốn) chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng tây 18K có khối lượng 04 (bốn) chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạch kim BNJ, có khối lượng 51,334 (năm mươi một phẩy ba ba bốn phân), đính kèm 01 (một) viên đá có khối lượng 1,295 phân; 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạch kim BNJ, có khối lượng 20 (hai mươi) phân”. T bỏ toàn bộ tiền và toàn bộ kim loại, trang sức vào một bao ni lông nhét ở gần đó, mang về nhà tại thôn Ly I, xã B cất giấu ở phía sau nhà.

Đến sáng ngày 26/4/2021, ông Nguyễn Đức A và bà Trần Thị T ngủ dậy phát hiện tài sản trong két sắt bị mất trộm nên đã trình báo sự việc cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ 01 (một) dấu vết đường vân (Ký hiệu A) có liên quan đến đối tượng trộm cắp tài sản.

Đối với Trần Ngọc T khi nghe tin Công an huyện T đang truy tìm nên T bỏ trốn. Ngày 10/6/2021, Công an huyện T phát hiện T đang ở cảng Sa Kỳ nên tiến hành làm việc, thu giữ trên người Trần Ngọc T số tiền 12.000.000 đồng, một điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, một nhẫn kim loại màu vàng có khối lượng

0,5 chỉ; 01 (một) lách đeo tay dạng mắc xích bằng vàng tây 18K có khối lượng 02 (hai) chỉ; 01 (một) lách đeo tay dạng xâu chuỗi bằng vàng tây 18K có khối lượng 04 (bốn) chỉ; 02 thẻ Ngân hàng Vietcombank mang tên Mai Thị Yến N; 04 CMND mang tên Chế Ngọc V, Ngô Thị Ngọc T, Chế Ngọc K, Mai Thị Yến N.

Trong quá trình lần trốn, Thương đã đến tiệm vàng Minh Hiếu (*do bà Nguyễn Thị Minh T sinh năm 1967, trú: số 601-603 Q, phường N, TP Q, tỉnh Q - làm chủ*) bán 03 (ba) miếng vàng 9999, 04 (bốn) nhẫn vàng tây 18K, 01 (một) sợi dây chuyền vàng tây 18K, 03 (ba) đôi bông tai vàng tây 18K, 01 (một) sợi dây chuyền bạch kim BNJ có khối lượng 51,334 phân, 01 (một) sợi dây chuyền bạch kim BNJ có khối lượng 20 phân cho bà Nguyễn Thị Minh T được 60.400.000 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bà T đã tự nguyện giao nộp 01 (một) sợi dây chuyền bạch kim BNJ có khối lượng 51,334 phân cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T.

Quá trình điều tra, Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐG ngày 11/8/2021 của Hội đồng định giá huyện T, số trang sức mà Trần Ngọc T trộm cắp gồm: - “03 (ba) miếng vàng 9999, mỗi miếng có khối lượng 01 (một) chỉ. Tổng cộng 03 chỉ, trị giá 13.500.000 đồng;

- 03 (ba) nhẫn vàng 9999, mỗi nhẫn có khối lượng 01 (một) chỉ. Tổng cộng 03 chỉ, trị giá 13.500.000 đồng;

- 05 (năm) nhẫn vàng tây 18K, mỗi nhẫn có khối lượng 0,5 (không phẩy năm) chỉ. Tổng cộng 2,5 chỉ, trị giá 7.500.000 đồng;

- 02 (hai) đôi bông tai vàng tây 18K, mỗi đôi có khối lượng 0,5 (không phẩy năm) chỉ. Tổng cộng 01 chỉ, trị giá 3.000.000 đồng;

- 01 (một) đôi bông tai vàng tây 18K, có khối lượng 01 (một) chỉ, trị giá 3.000.000 đồng;

- 01 (một) lách đeo tay dạng mắc xích bằng vàng tây 18K có khối lượng 02 (hai) chỉ, trị giá 6.000.000 đồng;

- 01 (một) lách đeo tay dạng xâu chuỗi bằng vàng tây 18K có khối lượng 04 (bốn) chỉ, trị giá 12.000.000 đồng;

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng tây 18K có khối lượng 04 (bốn) chỉ, trị giá 12.000.000 đồng.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạch kim BNJ, có khối lượng 51,334 (năm mươi một phẩy ba bốn phân), đính kèm 01 (một) viên đá có khối lượng 1,295 phân, trị giá 10.266.800 đồng;

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạch kim BNJ, có khối lượng 20 (hai mươi phân”, trị giá 4.000.000 đồng;

Tổng giá trị là 84.766.800 đồng (Tám mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng). (BL số 58 – 64).

Tại Bản kết luận giám định số 12/GĐĐV-PC09 ngày 07/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q kết luận: Dấu vết đường vân (Ký hiệu A) với dấu vân tay in tại ô “Cái trái” trên chỉ bản số 035, lập ngày 08/3/2013 tại Công an T, ghi họ tên Trần Ngọc T sinh ngày 10/8/1995, nơi ĐKHKT 2, B, T, Q lập về việc “Trộm cắp tài sản” QĐKTBC số 42 ngày 07/3/2013 CA (ký hiệu M) là dấu vân tay của cùng một người.

Tại bản cáo trạng số 56/CT- VKS ngày 12.10.2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện T giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Trần Ngọc T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS. Căn cứ vào lời khai và chứng cứ trong hồ sơ cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX : Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51 của BLHS. Xử phạt Trần Ngọc T từ 36 đến 42 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị HĐXX tuyên buộc Trần Ngọc T phải bồi thường cho bà Trần Thị T số tiền 100.000.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 25.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình giải quyết vụ án cơ quan cảnh sát điều tra có: Thu giữ 01 (một) giấy biên nhận của Công ty vàng bạc đá quý Minh Hiếu, TP Quảng Ngãi đây là chứng cứ phạm tội, nên cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án. 01 (một) mảnh giấy trắng có kích thước 21x14,5 cm, trên mảnh giấy có ghi “Hóa đơn bán hàng, mẫu số 02GTTT0/002” đây là giấy biên nhận của sợi dây chuyền bằng bạch kim BNJ, có khối lượng 51,334 (năm mươi một phẩy ba ba bốn phân), đính kèm 01 (một) viên đá có khối lượng 1,295 phân của bà Trần Thị T , nên cần tuyên trả lại cho bà T. Thu giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7 Plus màu đen của Trần Ngọc T. Nên cần tiếp tục quy trữ điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7 Plus màu đen của Trần Ngọc T để đảm bảo thi hành án sau này. Thu giữ 01 (một) xe mô tô dán nhãn Suzuki Vivo, có gắn biển kiểm soát 75B1-0464 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô hiệu Suzuki Vivo, biển kiểm soát 75B1-0464. Sau khi xác minh cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định ông Trần Ngọc T là chủ sở hữu chiếc xe trên, nên cần tuyên trả lại xe mô tô BKS 75B1-0464 và giấy đăng ký xe mô tô BKS 75B1-0464 cho ông Trần Ngọc T;

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Về phần trách nhiệm Dân sự, bị cáo thấy các yêu cầu của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hợp lý. Nên bị cáo sẽ tự nguyện khắc phục theo ý kiến của các người này.

Người bị hại anh Nguyễn Đức A yêu cầu bị cáo Trần Ngọc T phải trả cho vợ anh số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Về hình phạt yêu cầu HĐXX giải quyết theo pháp luật

Người liên quan ông Trần Ngọc Tâm không có ý kiến gì

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Tại phiên Tòa hôm nay, bị cáo Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, cũng như theo quan điểm của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa hôm nay. Lợi dụng kho hàng của công ty Minh Huy tại Tổ 8, thôn Ly II, xã B huyện T không có ai quản lý vào ban đêm nên bị cáo T đã có ý định trộm cắp tài sản, nên chuẩn bị các công cụ và cầm theo 01 kiềm cộng lực đi men theo đường bờ rào đến trước cổng công ty Minh Huy, bị cáo T dùng kiềm cộng lực cắt một lỗ tròn trên lưới B40 chui vào và đưa tất cả dụng cụ vào bên trong hiên công ty Minh Huy. Sau khi vào bên trong công ty, bị cáo dùng hàn giáo đá cắt đứt ổ khóa cửa kéo và vào bên trong văn phòng công ty tiếp tục cắt một kết sắt để ở góc phải trong phòng. Bị cáo T lấy được số tiền 58.000.000 đồng; “03 (ba) miếng vàng 9999, mỗi miếng có khối lượng 01 (một) chỉ; 03 (ba) nhẫn vàng 9999, mỗi nhẫn có khối lượng 01 (một) chỉ; 05 (năm) nhẫn vàng tây 18K, mỗi nhẫn có khối lượng 0,5 (không phẩy năm) chỉ; 02 (hai) đôi bông tai vàng tây 18K, mỗi đôi có khối lượng 0,5 (không phẩy năm) chỉ; 01 (một) đôi bông tai vàng tây 18K, có khối lượng 01 (một) chỉ; 01 (một) lách đeo tay dạng móc xích bằng vàng tây 18K có khối lượng 02 (hai) chỉ; 01 (một) lách đeo tay dạng khâu chuỗi bằng vàng tây 18K có khối lượng 04 (bốn) chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng tây 18K có khối lượng 04 (bốn) chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạch kim BNJ, có khối lượng 51,334 (năm mươi một phẩy ba ba bốn phân), đính kèm 01 (một) viên đá có khối lượng 1,295 phân; 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạch kim BNJ, có khối lượng 20 (hai mươi) phân”. Sau đó bị cáo Thương bỏ toàn bộ tiền và toàn bộ kim loại, trang sức vào một bao ni lông mang về nhà cất giấu ở nhà, bị cáo đã thực hiện vụ trộm với giá trị được Hội đồng định giá trong tố tụng xác định tổng giá trị tài sản là 142.766.800 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm sáu sáu nghìn tám trăm đồng). Do đó, VKSND huyện T đã truy tố bị cáo

về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò trách nhiệm của bị cáo trong vụ án thì thấy:*

Quyền sở hữu hợp pháp của công dân đối với tài sản luôn được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Hiện nay, hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện ngày càng diễn biến phức tạp, đối tượng thực hiện hành vi phạm tội đa số là thanh thiếu niên. Hành vi mà bị cáo thực hiện tưởng chừng đơn giản nhưng xét về mặt xã hội lại rất nguy hiểm, gây ra một hệ lụy không nhỏ cho tầng lớp thanh thiếu niên, cổ súy mạnh mẽ cho lối sống ăn chơi đua đòi, thích hưởng thụ nhưng không lao động bằng chính mồ hôi, công sức của mình. Bị cáo lợi dụng sự chủ quan và mất cảnh giác của các chủ sở hữu tài sản để tại nhà kho không có ai trông giữ vào ban đêm nên lén lút đột nhập lấy trộm cắp tiền và các tài sản có giá trị. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây tư tưởng hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 06/8/2013, Trần Ngọc T bị Tòa án nhân dân huyện T, Q phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 13/03/2018, bị cáo bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình, bị cáo đã rất ăn năn, hối cải về hành vi sai trái của mình, bản thân bị cáo đã khắc phục được một phần giá trị tài sản đã trộm cắp được cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS cần phải áp dụng khi lượng hình cho bị cáo để giảm bớt một phần hình phạt.

Đối với bà Nguyễn Thị Minh T, khi mua số tài sản trên của bị cáo bà T không biết là tài sản do trộm cắp mà có, do đó không có căn cứ để xem xét trách nhiệm pháp lý đối với bà T. Riêng đối với số trang sức gồm 03 (ba) miếng vàng 9999, 04 (bốn) nhẫn vàng tây 18K, 01 (một) sợi dây chuyền vàng tây 18K, 03 (ba) đôi bông tai vàng tây 18K và 01 (một) sợi dây chuyền bạch kim có khối lượng 20 phân, bà Nguyễn Thị Minh T mua của Trần Ngọc T, bà T đã trộn chung số vàng này để đem đi nung đúc và bán lại cho người khác nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không thu giữ là đúng.

Bị cáo Trần Ngọc T sử dụng xe mô tô BKS 75B1-0464 để chở các dụng cụ làm phương tiện để cắt và phá khóa cửa để trộm cắp tài sản (xe này của ông Trần Ngọc T mua thanh lý, chưa sang tên đổi chủ), ông Trần Ngọc T không biết nên không có cơ sở để tịch thu sung ngân sách Nhà nước

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho số tiền 100.000.000 đồng, người liên quan Nguyễn Thị Minh T yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của người bị hại và người liên quan

[5] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ:

- 02 (hai) vỏ chai nước bằng nhựa hiệu Machiato, 02 (hai) nắp chai nước bằng nhựa, 04 (một) miếng bông vải sợi màu trắng, 01 (một) đầu lọc thuốc lá; 01 (một) tờ giấy loại A4; 01 (một) phiếu thu tiền thuê; 01 (một) tờ giấy lịch treo tường, 01 (một) hộp đựng trang sức bằng giấy cứng, 01 (một) vỏ ny lông màu trắng loại bọc nắp bình nước, 01 (một) vỏ bình nước lọc màu xanh loại 20 lít, 01 (một) nắp bình nước lọc màu xanh loại 20 lít, 01 (một) cái xì rô bằng kim loại, 01 (một) cây búa bằng kim loại, 01 (một) cái mỏ lách bằng kim loại, 01 (một) thùng các tông, 01 (một) vỏ bọc lốc nước Machiato, 01 (một) tấm nhựa tổng hợp in dòng chữ Cocacola, 01 (một) van khóa bình ga bằng kim loại, 01 (một) khẩu trang nữ bằng vải; số tiền Việt Nam 12.000.000 (mười hai triệu đồng); 01 (một) lách đeo tay dạng mắc xích bằng vàng 18K có khối lượng 02 (hai) chỉ; 01 (một) lách đeo tay dạng chuỗi bằng vàng 18K có khối lượng 04 (bốn) chỉ; 01 (một) nhẫn vàng tây 18K, có khối lượng 0,5 (không phẩy năm) chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạch kim BNJ, có khối lượng 51,334 (năm mươi một phẩy ba ba bốn phân), đính kèm 01 (một) viên đá có khối lượng 1,295 phân. Đối với các tài sản trên xác định được chủ sở hữu là bà Trần Thị T, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại số tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị T nên HĐXX không xem xét.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 206016624 mang tên Mai Thị Yến N; 02 (hai) thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Mai Thị Yến N; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 212894893 mang tên Ngô Thị Ngọc T; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 212084256 mang tên Chế Ngọc V; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 212432046 mang tên Chế Ngọc K. Cơ quan CSĐT Công an huyện T xác định chủ sở hữu các tài sản trên không liên quan nên đã trả lại toàn bộ chứng minh nhân dân và thẻ ngân hàng cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng nên HĐXX không xem xét.

- Thu giữ 01 (một) giấy biên nhận của Công ty vàng bạc đá quý Minh Hiếu, TP Q đây là chứng cứ phạm tội, do đó cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- 01 (một) mảnh giấy trắng có kích thước 21x14,5 cm, trên mảnh giấy có ghi “Hóa đơn bán hàng, mẫu số 02GTTT0/002”. Sau khi xác minh xác định bà Trần Thị T là chủ sở hữu của sợi dây chuyền bằng bạch kim BNJ, có khối lượng 51,334 (năm mươi một phẩy ba ba bốn phân), đính kèm 01 (một) viên đá có khối lượng

1,295 phân nên trả mảnh giấy có ghi “Hóa đơn bán hàng, mẫu số 02GTTT0/002” cho bà Trần Thị T.

- Thu giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7 Plus màu đen của Trần Ngọc T. HĐXX thấy rằng cần tiếp tục quy trữ điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7 Plus màu đen của Trần Ngọc T để đảm bảo thi hành án.

-Thu giữ 01 (một) xe mô tô dán nhãn Suzuki Vivo, có gắn biển kiểm soát 75B1-0464 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô hiệu Suzuki Vivo, biển kiểm soát 75B1-0464. Sau khi xác minh cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định ông Trần Ngọc T là chủ sở hữu chiếc xe trên, nên cần tuyên trả lại xe mô tô BKS 75B1-0464 và giấy đăng ký xe mô tô BKS 75B1-0464 cho ông Trần Ngọc T.

- Đối với 01 (một) bình ga lớn, 01 (một) bình khí oxi, 01 (một) đầu sắt hàn gió đá, 01 (một) cái kìm cộng lực, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thăng Bình đã dẫn giải Trần Ngọc T đến nơi T đã cất giấu sau khi trộm cắp tài sản để truy tìm nhưng không tìm thấy, nên không có cơ sở để giải quyết.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[7] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan , người đại diện hợp pháp được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ 10.6.2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại bà Trần Thị T số tiền 100.000.000 đồng, bồi thường cho người liên quan Nguyễn Thị Minh T số tiền 25.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu trả lãi theo mức lãi suất tương ứng do Ngân hàng nhà nước qui định đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Tiếp tục quy trữ điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7 Plus màu đen của Trần Ngọc T để đảm bảo thi hành án. Tiếp tục lưu trữ giấy biên nhận của Công ty vàng bạc đá quý Minh Hiếu, TP Quảng Ngãi là chứng cứ phạm tội trong hồ sơ vụ án. Riêng 01 (một) xe mô tô dán nhãn Suzuki Vivo, có gắn biển

kiểm soát 75B1-0464 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô hiệu Suzuki Vivo, biển kiểm soát 75B1-0464. Sau khi xác minh cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định ông Trần Ngọc T là chủ sở hữu chiếc xe trên, tuyên trả lại xe mô tô BKS 75B1-0464 và giấy đăng ký xe mô tô BKS 75B1-0464 cho ông Trần Ngọc T

5/ Án phí:

Hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc Thương phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) án phí HSST.

Dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí DSST.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22.11.2021).

Những người vắng mặt tại phiên Tòa thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Đã ký và đóng dấu

Trần Mai Hùng